

Bản án số: 355/2017/HSST.

Ngày: 25/12/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Mạnh

2. Bà Thái Thục Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuyền, Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 350/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T (Tên gọi khác: M); Giới tính: Nam; Sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 527/31 D, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 414/13A D, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị Mỹ H; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/8/2015 trộm cắp tài sản Công an Quận 8 bắt, ngày 11/5/2016 Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 116/HSST ngày 11/5/2016); chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2017; Bị cáo tạm giam từ ngày 01/8/2017 (Có mặt).

2. Hứa Nguyễn Hoàng T1 (Tên gọi khác: C); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 290C/43/39A D, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Trần Văn H (Chết) và bà Hứa Thị Nguyễn N (Sinh năm: 1979); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/8/2015 Tòa án nhân dân Quận 8 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động- Bảo trợ xã hội Phú Văn thuộc Sở Lao Động-Thương Binh xã hội

Thành phố Hồ Chí Minh 24 tháng đến ngày 08/5/2017 chấp hành xong; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay (Có mặt).

3. Trần Văn T2 (Tên gọi khác: T); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 450/45 D, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không đi học; Con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; Vợ: Trần Thị T (Sinh năm: 1976); Có 01 con sinh 2003; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay (Có mặt).

4. Nguyễn Minh S (Tên gọi khác: T); Giới tính: Nam; Sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: C17/28 ấp 4B, xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Ngọc Đ (Sinh năm: 1958) và bà Võ Thị N (Sinh năm: 1958); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/4/2011 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố gây thương tích” (Bản án số: 84/HSST), chấp hành xong bản án ngày 31/5/2012; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1995; Hộ khẩu thường trú: 81 ấp N, xã T, huyện U, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở: Lầu 2 nhà số 166 D, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Chị Lý Thị Phương T, sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: 190/15 L, Phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: Lầu 3 nhà số 166 D, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Anh Thái Minh B, sinh năm: 1994; Hộ khẩu thường trú: 111/18 D, Phường Q, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Lầu 1 nhà số 166 D, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Anh Lý Thanh H, sinh năm: 1993; Hộ khẩu thường trú: 190/15 L, Phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: Lầu 3 nhà số 166 D, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

5. Chị Trần Thị Ni N, sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đ; Chỗ ở: Lầu 2 nhà số 166 D, Phường W, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đặng Anh T, sinh năm: 1985; Hộ khẩu thường trú: 11 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: C8/1 ấp 4A xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2, Nguyễn Minh S bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố hành vi phạm tội như sau:

Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 có quan hệ quen biết nhau từ trước. Nguyễn Minh S là cháu vợ Trần Văn T. Để có tiền tiêu xài, khoảng 01 giờ, ngày 20/7/2017 Lê T gặp và rủ T1 đi trộm cắp, T1 đồng ý. Thực hiện ý định trên, T1 sử dụng xe đạp điện chở Lê T đến trước nhà số 166 D, Phường W, Quận A của anh Nguyễn Cao T thấy cửa sắt bên ngoài móc hờ 01 ổ khóa phía trong nên T1 đến đưa tay vào lấy ổ khóa vứt bỏ vào sọt rác, đẩy cửa vào trong thấy có nhiều xe gắn máy, T1 lấy 01 xe gắn máy biển số 59L2-423.53 của anh Thái Minh B mang về cất giấu tại bãi giữ xe chung cư T phường E, Quận A, còn Lê T điều khiển xe đạp điện về nhà T1. Sau đó, T1 mượn 01 xe gắn máy của T2 (không rõ biển số, không rõ lai lịch) chở Lê T đến gặp, rủ Trần Văn T2 đến nhà anh T trộm cắp tiếp, Trần T2 đồng ý và mang theo dụng cụ phá khóa xe, đến nơi, T1 đứng ngoài cảnh giới còn Trần T2 vào trong nhà lấy xe gắn máy biển số 72K9-9306 của chị Lý Thị Phương T, do xe khóa Trần T2 dùng dụng cụ phá khóa xe, mở khóa dẫn xe ra ngoài, Lê T lấy xe gắn máy biển số 61U3-0862 của chị Nguyễn Thị Mộng T rồi cả 03 điều khiển xe về nhà Nguyễn Minh S, Trần T gọi cửa S gửi 02 xe trên, S đồng ý, sau đó Trần T, Lê T2 và T1 tiếp tục quay lại nhà anh T lấy xe. Lúc này Trần T2 đứng ngoài cảnh giới, T1 vào lấy xe gắn máy biển số 47M1-113.08 của chị Trần Thị Ni N, Lê T vào trong lấy xe biển số 72L2-0921 của anh Lý Thanh H đưa về nhà S, Lúc này Trần Văn T2 nói cho S biết xe mới đã được (ý nói trộm cắp), S nghe, biết là xe trộm cắp nhưng không nói gì và đồng ý cho gửi. Khoảng 02 giờ, cùng ngày 20/7/2017, T1 thông qua đối tượng L (không rõ lai lịch) biết số điện thoại của Vũ Thái L, T1 dùng điện thoại di động của Lê T bấm số điện thoại của L để Lê T liên hệ nói chuyện bán 03 chiếc xe mang biển số 72L2-0921; 72K9-9306 và 47 M1-113.08 của anh H, chị T, chị N với giá 10.000.000 đồng, L đồng ý mua và yêu cầu Lê T mang 03 xe trên đến bãi giữ xe bệnh viện quận T sẽ có người đến lấy và trả tiền. Do Lê T chạy xe yếu tay lái không đi, Lê T đưa điện thoại cho T1 giữ để liên lạc với L sau đó nói lại nội dung bán xe cho T1 nghe và nói T1 chia tiền bán xe cho S đồng thời kêu T1, Trần T2 và Nguyễn Minh S mang 03 xe trên đến bãi giữ xe bệnh viện quận T để T1 bán xe cho L. Do L không có tiền mua xe , nên L tiếp tục điện thoại giới thiệu cho D (không rõ lai lịch) và D đồng ý mua, D đến gặp T1 trả tiền, nhận xe. Bán được xe, Trần T2, S và T1 đón xe về, trên đường về T chia cho S 500.000 đồng. Số tiền còn lại T1, Lê T và Trần T2 gặp nhau tại nhà Trần T2, T1 chia mỗi người 3.100.000 đồng, còn 200.000 đồng tiêu xài chung.

Sau khi giới thiệu để D mua xe, L nói D bán cho L 01 xe để làm phương tiện đi lại, D đồng ý và bán xe biển số 72K9-9306 với giá 3.500.000 đồng là một trong 3 chiếc xe mà L giới thiệu D mua ngày 20/7/2017, L trả tiền cho D nhưng chưa lấy xe ra tại bãi giữ xe bệnh viện T.

Khoảng 10 giờ ngày 20/7/2017 Trần T nhờ S bán xe gắn máy biển số 61U3-0862, S đồng ý (do trước đó S kiểm tra cốp xe thấy có giấy chứng nhận xe, S cất giấu không nói cho T1, T2 biết) mang đến cầm cho anh Đặng Anh T được 7.000.000 đồng, S về nói cho Trần T2 chỉ bán xe trên được 3.200.000 đồng. Trần T2 nói cho T1 và Lê T bán xe gắn máy biển số 61U3-0862 được 2.500.000 đồng, Trần T2 chia cho T1, Lê T mỗi người 800.000 đồng còn lại Trần T2 hưởng. Tối ngày 20/7/2017 Lê T điện thoại bán xe biển số 59L2-423.53 cho L và L đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng, hẹn giao xe nhận tiền tại chung cư T Phường Q, Quận A, L đồng ý nên Lê T nói lại cho T1 để T1 mang xe đến điểm hẹn bán xe trên. Còn L điện thoại cho H (không rõ lai lịch) đến điểm hẹn giao

4.000.000 đồng cho T và nhận xe. Có tiền, T chia cho Lê T 2.000.000 đồng, đã tiêu xài hết. Bị mất tài sản, các bị hại đến Công an trình báo sự việc.

Qua truy xét, Công an Quận 8 đưa Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 và Nguyễn Văn S về trụ sở làm việc thì Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 và Nguyễn Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội trên và chỉ ra nơi cất giấu, cầm cố xe. Công an Quận 8 tiến hành thu giữ vật chứng gồm xe 72K9-9306 tại bãi xe bệnh viện quận T và anh Đặng Anh T giao nộp xe biển số 61U3-0862.

Ngày 25/7/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận:

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Mio màu nâu-trắng, biển số 47M1-113.08, có giá trị là 7.500.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave màu xanh-lục-đen, biển số 72L2-0921, có giá trị là 4.000.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ-đen, 72K9-9306 có giá trị là 4.000.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, biển số 61U3-0862 có giá trị là 5.500.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Click màu đen, biển số: 59L2-423.53 có giá trị là 14.400.000 đồng.

Tổng trị giá 05 xe gắn máy trên là 35.400.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8 các bị can Trần Văn T2, Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1 và Nguyễn Minh S khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 28/7/2017 Cơ quan điều tra Công an Quận 8 khởi tố vụ án, bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2, về tội “Trộm cắp tài sản” và Nguyễn Minh S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8 các bị can đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, Phù hợp với lời khai bị hại và vật chứng thu giữ, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: xe gắn máy biển số 61U3-0862 của chị Nguyễn Thị Mộng T, xe gắn máy hiệu Honda Wave màu xanh lục biển số 72L2-0921 của chị Lý Thị Phương T Công an đã lập biên bản trao trả cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì. Đối với các xe gắn máy của anh Thái Minh B, Lý Thanh H và chị Trần Thị Ni N yêu cầu các bị cáo bồi thường (chị N không yêu cầu nhận lại biển số xe 47M1113.08). Anh Đặng Anh T yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng.

Chiếc xe đạp điện T1 dùng làm phương tiện chở Lê T đi tìm tài sản trộm cắp, sau khi phạm tội Toàn đã bán cho người khác (không rõ lai lịch) và chiếc điện thoại mà Lê T liên hệ với Vũ Thái L để bán xe, T đã đánh mất nên Công an Quận 8 không cơ sở thu hồi thu hồi.

Đối với Vũ Thái L bị Công an Thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bắt và tạm giữ: 01 thẻ giữ xe số TP.11762 của bệnh viện T; 01 biển số xe 47M1113.08 có liên quan

đến hành vi phạm tội tại Quận 8, nên Công an Thành phố V chuyển vật chứng trên đến Công an Quận 8 xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- 01 thanh đoản kim loại chữ L kích thước 3,5x6, 02 đầu đoản bằng kim loại kích thước 10cm và 06 cm; 01 thẻ giữ xe số TP.11762 của bệnh viện Tân Phú; 01 biển số xe 47M1113.08.

Theo phiếu nhập kho vật chứng số 269 ngày 31/10/2017 của Công an Quận 8.

Tại bản Cáo trạng số 337/CT-VKS ngày 10/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nguyễn Minh S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nguyễn Minh S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; bị cáo Hứa Nguyễn Hoàng T1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; bị cáo Trần Văn T2 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Bị cáo Nguyễn Minh S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, người bị hại, các bị cáo,

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, người bị hại; tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, xác định khoảng 01 giờ, ngày 20/7/2017 tại nhà anh Nguyễn Cao T, số 166 Dương Bá Trạc, Phường Q, Quận A Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 đã lén lút trộm cắp tài sản là các xe máy sau: 01 xe gắn máy biển số 59L2-423.53 của anh Thái Minh B. 01 xe gắn máy biển số 72K9-9306 của chị Lý Thị Phương T; 01 xe gắn máy biển số 61U3-0862 của chị Nguyễn Thị Mộng T; 01 xe gắn máy biển số 47M1-11308 của chị Trần Thị Ni N và 01 xe gắn máy biển số 72L2-0921 của anh Lý Thanh H.

Ngày 25/7/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận:

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Mio màu nâu-trắng, biển số 47M1-113.08, có giá trị là 7.500.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave màu xanh-lục-đen, biển số 72L2-0921, có giá trị là 4.000.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ-đen, 72K9-9306 có giá trị là 4.000.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, biển số 61U3-0862 có giá trị là 5.500.000 đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda Click màu đen, biển số: 59L2-423.53 có giá trị là 14.400.000 đồng.

Tổng trị giá 05 xe gắn máy trên là 35.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Nguyễn Minh S biết các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 trộm cắp tài sản nhưng vẫn đồng ý để tài sản trộm cắp được tại nhà bị cáo và sau đó trực tiếp mang đi tiêu thụ, và được chia 500.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đây là vụ án phạm tội có đồng phạm, nhưng mang tính nhất thời giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công trước, mà khi bị cáo Lê T và bị cáo T1 đã chiếm đoạt được chiếc xe 59L2-423.53 của anh Thái Minh B tại nhà anh Nguyễn Cao T, thấy trong nhà còn nhiều xe máy, các bị cáo đã tiếp tục rủ Trần Văn T2 đến trộm cắp. Tổng số tài sản các bị cáo trộm cắp là 05 xe máy có tổng giá trị 35.400.000 đồng.

Xét về nhân thân, năm 2016 bị cáo Lê Văn T bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản, khi phạm tội, bị cáo dưới 18 tuổi, theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, mặc dù không tính là án tích nhưng khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đối với bị cáo.

Bị cáo Hứa Nguyễn Hoàng T1 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến ngày 08/5/2017 chấp hành xong, do đó cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Năm 2011, bị cáo Nguyễn Minh S bị xét xử về tội Cố ý gây thương tích mặc dù đã được xóa án tích nhưng cũng cần xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

Để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần thiết xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt, làm ăn lương thiện khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Trần Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1 lần đầu phạm tội nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 thanh đoản kim loại chữ L kích thước 3,5x6, 02 đầu đoản bằng kim loại kích thước 10cm và 06 cm; 01 thẻ giữ xe số TP.11762 của bệnh viện T; 01 biển số xe 47M1113.08, xét không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, đã thu hồi được xe 61U3-0862 trả cho chị T; xe 72L2-0921 trả cho chị T, chị T, chị T không yêu cầu bồi thường gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các xe gắn máy của anh Thái Minh B, Lý Thanh H và chị Trần Thị Ni N, do không thu hồi được nên anh B, anh H, chị N yêu cầu bồi thường, cụ thể như sau: Chị N yêu cầu bồi thường 7.500.000 đồng; anh H yêu cầu bồi thường: 4.000.000 đồng. Anh B yêu cầu bồi thường 14.400.000 đồng. Theo kết quả định giá thì yêu cầu trên là phù hợp quy định pháp luật nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho những người bị hại. Anh Đặng Anh T yêu cầu bồi thường số tiền cầm cố chiếc xe biển số 61U3-0862 là 7.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, khi anh T cầm cố chiếc xe trên, bị cáo S không nói xe do trộm cắp mà có, do đó yêu cầu đòi bồi thường số tiền 7.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Về trách nhiệm bồi thường, sau khi S nhận 7.000.000 đồng tiền cầm cố xe đã đưa về cho Trần T2, Trần T2 nhận và chia lại cho các bị cáo T1, Lê T, do đó việc bồi thường số tiền 7.000.000 đồng cho anh T là trách nhiệm của các bị cáo S, Trần T2, Lê T và bị cáo T.

Đối với Vũ Thái L lúc đầu khai nhận giới thiệu H, D mua xe của Lê T là xe do người khác phạm tội mà có và bản thân cũng mua xe gắn máy biển số 72L2-0921 nhưng về sau không thừa nhận. Mặt khác Lê T cũng không khai khi liên hệ bán các xe trên, Lê T không nói cho L biết nguồn gốc các xe từ đâu mà có mà chỉ gặp L qua điện thoại. Hiện L đang bị Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu bắt điều tra về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Công an Quận 8 đang phối hợp, xác minh làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Đối với D, H là những đối tượng mua xe của T1 do phạm tội mà có, hiện không rõ lai lịch, nên Công an Quận 8 không có căn cứ để thu hồi vật chứng và điều tra xử lý.

Đối với Đặng Anh T cầm xe của S, nhưng anh T không biết là tài sản do S phạm tội mà có, hiện đã giao nộp xe cho Cơ quan Điều tra để trả cho bị hại, nên Công an Quận 8 không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Minh S phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Hứa Nguyễn Hoàng T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2017.

- Áp dụng khoản 1; Điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 thanh đoản kim loại chữ L kích thước 3,5x6, 02 đầu đoản bằng kim loại kích thước 10cm và 06 cm; 01 thẻ giữ xe số TP.11762 của bệnh viện T; 01 biển số xe 47M1113.08. (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 269 ngày 31/10/2017 của Công an Quận 8).

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009)

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 liên đới bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 7.500.000 đồng. (Mỗi bị cáo bồi thường 2.500.000 đồng); Bồi thường cho anh Lý Thanh H 4.000.000 đồng (Mỗi bị cáo bồi thường 1.333.300 đồng); Bồi thường cho anh Thái Minh B 14.400.000 đồng (Mỗi bị cáo bồi thường 4.800.000 đồng). Buộc các bị cáo Nguyễn Minh S, Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 liên đới bồi thường cho anh Đặng Anh T 7.000.000 đồng (Mỗi bị cáo bồi thường 1.750.000 đồng).

- Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Lê Văn T, Hứa Nguyễn Hoàng T1, Trần Văn T2 phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 519.165 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Minh Sang phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TA ND TP.HCM;
- VKS ND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKS ND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Công an Quận 8;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT.

Nguyễn Văn Thanh